

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2019

V/v “Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 661/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 658/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Lưu Hà T, sinh năm: 1998. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường T1, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Quách Văn H, sinh năm: 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Th, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lưu Hà Trang trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn H chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh H thường xuyên nhậu, không phụ chị về kinh tế để nuôi con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Dù được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Chị và anh H đã ly thân cách đây khoảng 05 tháng và không

còn sống chung nhà. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Văn H.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Lưu Hải Đ, sinh ngày 06/5/2017 và Lưu Đăng K, sinh ngày 10/8/2018, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Đối với anh Quách Văn H: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo cho anh H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh H vẫn không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Hà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Hà T và anh Quách Văn H không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; anh H cư trú tại thành phố C. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Chị T từ chối hòa giải nên vụ án không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Anh H được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Lưu Hà T và anh Quách Văn H có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Điều này được chị T khai nhận, được Ủy ban nhân dân xã An, thành phố C (nơi anh H thường trú) và Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C (nơi chị T thường trú) xác nhận. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị T và anh H đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc kết hôn của chị T và anh H là không thỏa mãn về mặt hình thức, không có giá trị pháp lý. Thời gian chung sống, chị T xác định chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, chị và anh H không còn sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung của chị T và anh H hiện tại không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân của chị T và anh H có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị T xác định chị và anh H có 02 người con chung tên Lưu Hải Đ, sinh ngày 06/5/2017 và Lưu Đăng K, sinh ngày 10/8/2018, đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lưu Hải Đ và Lưu Đăng K hiện nay đều dưới 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của người mẹ. Đồng thời cháu Đ và

cháu K đang được chị T nuôi dưỡng nên cần giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung. Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định chị và anh H không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Hà T và anh Quách Văn H.

2 - Về con chung: Giao cháu Lưu Hải Đ, sinh ngày 06/5/2017 và Lưu Đăng K, sinh ngày 10/8/2018 cho chị Lưu Hà T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Quách Văn H không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị Trang xác định không có. Anh Hay không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000đ. Ngày 30 tháng 7 năm 2019, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 520) được đối trừ, chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân